

Số: /GCN-SXD

Đồng Tháp, ngày

tháng 4 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-UBND-HC ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và giám định viên tư pháp xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 08/4/2025; Văn bản số 584/SXD-CLCT ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Sở Xây dựng về việc đề nghị thực hiện nội dung yêu cầu theo ghi nhận tại biên bản đánh giá tổ chức thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 08/4/2025; Văn bản số 58/TTGD-TN ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng về việc hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ theo biên bản đánh giá Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 08/4/2025 của Sở Xây dựng; Biên bản kiểm tra hồ sơ bổ sung, giải trình của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 16/4/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng.

Quyết định số 109/QĐ-UBND-TL ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng, thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp.

Quyết định số 119/QĐ-SXD ngày 09 tháng 06 năm 2023 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng.

Quyết định số 74/QĐ-UBND-TCCB ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chuyển các tổ chức hành chính, đơn vị

sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 128, đường Phù Đồng, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại: (0277) 3870336; (0277) 3873337

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 128, đường Phù Đồng, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: **LAS-XD 20.006** (*Mã số phòng thí nghiệm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 63/GCN-BXD của Bộ Xây dựng cấp ngày 21/5/2020 là LAS-XD 292*).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- GD và các PGĐ Sở;
- Bộ phận một cửa;
- Lưu: VT, CLCT. vmt.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Ngọt

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 20.006**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành
xây dựng số: /GCN-SXD ngày tháng 4 năm 2025)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)*
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng	TCVN 13605: 2023; ASTM C184; ASTM C188; ASTM C204; ASTM C430; AASHTO T133; AASHTO T153; AASHTO T192
2	Xi măng – Phương pháp thử - Xác định cường độ	TCVN 6016: 2011; ASTM C109/109M; AASHTO T106
3	Xi măng – PP Xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017: 2015
4	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068: 2020
5	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 141: 2023
6	Hàm lượng SiO ₂ và cặn không tan	TCVN 141: 2023
7	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736: 1982
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 9382: 2012; TCVN 10306: 2014; Quyết định số: 778/98/QĐ-BXD, ngày 05/9/1998
2	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105: 2022
3	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 2022; AASHTO T119; ASTM C143/C143M; BS EN 12350-2
4	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 1993; ASTM C138/C138M-2023; AASHTO T121- 2023; EN 12350-6-2019; JIS A1116
5	Xác định độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109: 2022; ASTM C232/232M - 2021; AASHTO T158- 2023; EN 12350-4-2019
6	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022; ASTM C232/232M - 2021; AASHTO T158- 2023; EN 12350-4-2019
7	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		ASTM C232/232M-2021; AASHTO T158- 2023; EN 12350-4-2019
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022
9	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116: 2022; ASTM C403/403M- 2023; ASTM C1585-2020; EN 12390-8-2019
10	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118: 2022; ASTM C39/39M; ASTM C42/42M; AASHTO T22M/T22; AASHTO T140; JIS A1108; JIS A1107; BS EN 12390-3; BS1881-P.119
11	Xác định cường độ kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119: 2022; ASTM C293/C293M; ASTM C78/C78M; AASHTO T97; AASHTO T177; JIS A1106; JIS A1114; BS EN 12390-5
12	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611; BS EN 12350-5
13	Xác định độ cứng vebe	TCVN 3107: 2022
III	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG XI MĂNG, BÊ TÔNG NHỰA VÀ VỮA; CÁT, ĐẤT SAN LẤP; CÁP PHỐI ĐÁ DẪM	
1	Lấy mẫu	TCVN 7572-1: 2006
2	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 2006; TCVN 9205: 2012; TCVN 14135-4: 2024; TCVN 14135-5: 2024; ASTM C136/C136M-2019; AASHTO T27-2023; EN 933-1-2012; BS 812-103.1-1998
3	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4: 2006; AASHTO T84-2022; AASHTO T85-2022; ASTM C128-2022
4	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5: 2006; TCVN 10322: 2014; ASTM C127-2015; AASHTO T85-2022; EN 1097-6-2013; EN 1097-7- 2022
5	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6: 2006; ASTM C29/C29M- 2023;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		AASHTO T19T19M-2022; BS EN 1097-3-4-1998
6	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 2006; ASTM C566-2019; AASHTO T255- 2022; EN 1097-5-2009; ASTM C70
7	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	TCVN 7572-8: 2006; ASTM C117-2023; ASTM C142/C142M-2023; AASHTO T112- 2023; EN 933-1-2012
8	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9: 2006; ASTM C40/C40M- 2020; AASHTO T21-2020; BS EN1744-1
9	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 2006; TCVN 10324: 2014; ASTM D2938-2002
10	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11: 2006; BS 812:90 Part 110- 1990; BS 812:90 Part 111-1990
11	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 2006; ASTM C535-2016; ASTM C131/C131M; AASHTO T96
12	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13: 2006; ASTM D4791 -2023; BS EN 933-3-2012; BS EN 933-4-2008; BS EN 933-5 - 1998; BS 812- part 105.1-1989
13	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu phong hóa	TCVN 7572-17: 2006; JIS A1126
14	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20: 2006
15	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18: 2006
16	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 9205: 2012; TCVN 14135-5: 2024; ASTM C117 - 2023; AASHTO T11 - 2022
17	Xác định độ góc cạnh	TCVN 8860-7: 2011; TCVN 11807: 2017
18	Giá trị đương lượng cát (SE)	AASHTO T176
IV	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG	
1	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683: 2012
2	Xác định khối lượng riêng (tỉ trọng)	TCVN 4195: 2012; ASTM D854 - 2023;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		AASHTO T100 - 2022
3	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196: 2012; ASTM D2216 - 2019; AASHTO T265 - 2022
4	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012; TCVN 14134-4: 2024; ASTM D4318-2017; AASHTO T89-2022; AASHTO T90-2020
5	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 2014; TCVN 14134-3: 2024; AASHTO T88 - 2022
6	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 1995
7	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 2012
8	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012; TCVN 12790: 2020; 22TCN 333: 2006; ASTM D698; AASHTO T99; AASHTO T180
9	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202: 2012; ASTM D7263 - 2021
10	Xác định sức chịu tải của đất/ cấp phối đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-2006; ASTM D1883; AASHTO T193; TCVN 12792: 2020
11	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434: 00; TCVN 8723: 2012
12	Cắt cánh trong phòng	ASTM D2579: 78
13	Thí nghiệm 01 trực có nở hông	ASTM D2166: 01
14	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726: 2012; AASHTO T267-2022; ASTM D2974 - 2020
V	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN	
1	Thép và sản phẩm thép - Vị trí lấy mẫu, chuẩn bị phôi mẫu và thử cơ lý	TCVN 4398: 2001
2	Thử kéo	TCVN 197: 2014; TCVN 7937: 2013; AASHTO T68M/T68; ASTM A370; ASTM E8/E8M; JIS Z224; ASTM A615
3	Thử uốn và uốn lại	TCVN 198: 2008; TCVN 7937: 2013; TCVN 6287: 1997; ASTM A 615; ASTM A370; JIS Z2248

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
4	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401: 2010; ASTM E190; ASTM A184/184M
5	Vật liệu kim loại – ống – Thử nén bẹp	TCVN 1830: 2008
6	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 2010; TCVN 8310:2010; TCVN 8311: 2010; AASHTO T244-90; ASTM A370; ASTM A184/184M
7	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	TCVN 1548: 87; TCVN 6735:2018; ASME BPV code- 2021; AWS D1.1/D1.1M:2020
8	Thí nghiệm bu lông, ốc đai, ốc vít, vật liệu bu lông	TCVN 197: 2014; TCVN 198: 2008; TCVN 11916: 1995; TCVN A370; AASHTO T68; ASTM E8M; ASTM F606:16; JIS Z2241:98
9	Xác định ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi thép; dây kim loại	TCVN 1824: 1993; ASTM A370; ASTM D3953
10	Thử kéo ống kim loại	TCVN 314: 2008; TCVN 197:2014; ASTM A370
VI	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
1	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo PP Marshall	TCVN 8820: 2011
2	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1: 2011; AASHTO T245; ASTM D1559; ASTM D6927
3	Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2: 2011; AASHTO T164; ASTM D2172
4	Xác định thành phần phối hỗn hợp cốt liệu	TCVN 8860-3: 2011; AASHTO T27; ASTM C136
5	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4: 2011; AASHTO T209; ASTM D2041
6	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5: 2011; AASHTO T166; ASTM D2726
7	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6: 2011; ASTM D6390
8	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7: 2011; TCVN 11807: 2017
9	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8: 2011; AASHTO T230; ASTM D2041
10	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9: 2011; AASHTO T269; ASTM D3203

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
11	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10: 2011; AASHTO T209; AASHTO T269; ASTM D3203
12	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11: 2011; AASHTO T209
13	Xác định độ ổn định còn lại của bê nhựa	TCVN 8860-12: 2011; AASHTO T245
14	Xác định khả năng kháng lún vết bánh xe	AASHTO T324; AASHTO T0719
VII	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM; NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
1	Lấy mẫu	TCVN 7494: 2005; ASTM D 140 – 01
2	Xác định độ kim lún	TCVN 7495: 2005; ASTM D5-97; AASHTO T49
3	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496: 2005; ASTM D113-99; AASHTO T51
4	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36-00; AASHTO T53
5	Xác định độ chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498: 2005; ASTM D92-02b; AASHTO T48; TCVN 8818-2: 2011
6	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499: 2005; ASTM D6-00; AASHTO T47
7	Xác định độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500: 2005; ASTM D2042-01; AASHTO T44
8	Xác định khối lượng riêng (PP Pycnometer)	TCVN 7501: 2005; ASTM D70-03; AASHTO T228
9	Xác định độ nhớt	TCVN 7502: 2005; ASTM D2170-01a; TCVN 8817-2: 2011; TCVN 8118-5: 2011
10	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503: 2005
11	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504: 2005; ASTM D3625/D3625M
12	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8118-3: 2011
13	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8118-4: 2011
14	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng xoay	TCVN 11710: 2017

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
15	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng	TCVN 1171: 2017
VIII	THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT	
1	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2: 2011
2	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3: 2011
3	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4: 2011
4	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5: 2011
5	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6: 2011
6	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7: 2011
7	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8: 2011
8	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9: 2011
9	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10: 2011
10	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11: 2011
11	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm	TCVN 8817-12: 2011
12	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13: 2011
13	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14: 2011
14	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15: 2011
IX	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
1	Thí nghiệm thành phần hạt	TCVN 12884 -2: 2020; AASHTO T27; AASHTO T100
2	Thí nghiệm độ ẩm	TCVN 12884-2: 2020; TCVN 7572-7: 2006; 22TCN 58: 1984; ASTM C566; ASTM C70
3	Thí nghiệm chỉ số dẻo	TCVN 4197: 2012; ASHTO T88,T90; ASTM D4318
4	Thí nghiệm khối lượng riêng	TCVN 8735: 2012; 22TCN 58: 1984; AASHTO T27; AASHTO T100
5	Thí nghiệm hệ số hấp nước	TCVN 12884 -2: 2020; 22TCN 58: 1984; AASHTO T27; AASHTO T100
6	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58: 1984; AASHTO T27; AASHTO T100
7	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58: 1984; AASHTO T27; AASHTO T100

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
X	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
1	Xác định tra kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022; BS EN 1015-1
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022; ASTM C1437; BS 1015-3
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022; BS EN 1015-6
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2022
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9: 2022
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2022; BS 1015-10
7	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-11: 2022; ASTM C109/C109M
8	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12: 2022
9	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18: 2022; ASTM C1403
XI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ chịu nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476: 2011; ASTM C140-12a
XII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 2009
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2: 2009
3	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3: 2009
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 2009
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 1998
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009
XIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ chịu nén; độ rỗng; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477: 2016
XIV	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP (ACC); BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP	
1	Khuyết tật ngoại quan; Sai lệch kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh,	TCVN 7959: 2017; TCVN 9029: 2017;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	phẳng mặt; Cường độ nén; Độ ẩm và khối lượng thể tích khô; Độ co khô	TCVN 9030: 2017
2	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
XV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn: độ hút nước; lực xung kích; lực uốn gãy; độ cứng lớp mặt	TCVN 6065: 1995
XVI	THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN	
1	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2: 2016; TCVN 4732: 2016
2	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3: 2016; TCVN 4732: 2016
3	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4: 2016; TCVN 4732: 2016
4	Xác định độ bền va đập	TCVN 6415-5: 2016; TCVN 4732: 2016
5	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6: 2016; TCVN 4732: 2016
6	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7: 2016; TCVN 4732: 2016
7	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8: 2016; TCVN 4732: 2016
8	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9: 2016; TCVN 4732: 2016
9	Xác định hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10: 2016; TCVN 4732: 2016
10	Xác định độ bền rạn men đối với gạch ốp lát có phủ men	TCVN 6415-11: 2016; TCVN 4732: 2016
11	Xác định độ bền băng giá	TCVN 6415-12: 2016; TCVN 4732: 2016
12	Xác định độ bền hóa học	TCVN 6415-13: 2016; TCVN 4732: 2016
13	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14: 2016; TCVN 4732: 2016
14	Xác định độ thôi chì và Cadimi của gạch phủ men	TCVN 6415-15: 2016; TCVN 4732: 2016
15	Xác định sự khác biệt nhỏ về màu	TCVN 6415-16: 2016; TCVN 4732: 2016
16	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17: 2016; TCVN 4732: 2016
17	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18: 2016; TCVN 4732: 2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
XVII	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO	
1	Xác định kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Độ sai lệch; kích thước và hình dạng sản phẩm; Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744: 2013
2	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744: 2013; TCVN 6065: 1995
3	Độ bền uốn, MPa	TCVN 6355-2: 2009
4	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17: 2016
XVIII	NƯỚC XÂY DỰNG	
1	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560: 1988
2	Xác định hàm lượng mối hòa tan	TCVN 4560: 1988
3	Xác định độ pH	TCVN 6492: 2011
4	Xác định độ vẩn dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506: 2012
5	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186: 1996
XIX	NGÓI LỘP	
1	Kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 1452: 2023
2	Độ hút nước	TCVN 4313: 2023
3	Tải trọng uốn gãy	TCVN 4313: 2023
4	Khối lượng một mét vuông ngói ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313: 2023
5	Thời gian xuyên nước	TCVN 4313: 2023
XX	BỘT BẢ TƯỜNG	
1	Xác định Độ mịn	TCVN 13605: 2023
2	Xác định Thời gian đông kết	TCVN 6017: 2015
3	Xác định Độ giữ nước	TCVN 7239: 2014
4	Xác định Độ cứng bề mặt	TCVN 7239: 2014; TCVN 2098: 2007
5	Xác định Cường độ bám dính	TCVN 7239: 2014; TCVN 9349: 2012; TCVN 7899-2: 2008

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
XXI	TẤM THẠCH CAO	
1	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vát và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1: 2023
2	Xác định độ cứng của lõi, cạnh, gờ	TCVN 8257-2: 2023
3	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3: 2023
4	Xác định độ kháng nhỏ dính	TCVN 8257-4: 2023
5	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5: 2023
6	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6: 2023
7	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7: 2023
8	Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-8: 2023
XXII	TẤM XI MĂNG SỢI	
1	Xác định kích thước, độ thẳng cạnh và độ vuông góc	TCVN 8259-1: 2009
2	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8259-2: 2009
3	Xác định khối lượng thể tích biểu kiến	TCVN 8259-3: 2009
4	Xác định độ co giãn ẩm	TCVN 8259-4: 2009
5	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8259-5: 2009
6	Xác định khả năng chống thấm nước	TCVN 8259-6: 2009
7	Xác định độ bền nước nóng	TCVN 8259-7: 2009
8	Xác định độ bền băng giá	TCVN 8259-8: 2009
9	Xác định độ bền mưa nắng	TCVN 8259-9: 2009
XXIII	SƠN XÂY DỰNG	
1	Lấy mẫu	TCVN 2090: 2015 (ISO 15528)
2	Xác định độ mịn	TCVN 2091: 2015 (ISO 1524)
3	Phương pháp gia công màng	TCVN 2094: 1993
4	Phương pháp xác định độ phủ	TCVN 2095: 1993
5	Phương pháp xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096-3: 2015

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
6	Phép thử cắt ô	TCVN 2097: 2015
7	Xác định màu sắc	TCVN 2102: 2020
8	Kiểm tra và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 5669: 2013
9	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1: 2024
10	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2: 2024
11	Xác định độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8653-3: 2024
12	Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4: 2024
13	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5: 2024
14	Phương pháp phơi nhiễm với nguồn sáng phòng thử nghiệm - Phần 3: Đèn huỳnh quang tử ngoại	TCVN 11608-3: 2016 (ISO 16474-3)
15	Đánh giá sự suy biến của lớp phủ- Ký hiệu số lượng, kích cỡ của khuyết tật và mức biến đổi đồng nhất về ngoại quan- Phần 6: Đánh giá độ phân hóa bằng phương pháp băng dính	TCVN 12005-6: 2017 (ISO 4628-6)
16	Xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi- Phần 1: Phương pháp hiệu số	TCVN 10370-1: 2014 (ISO 11890-1)
17	Xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi- Phần 2: Phương pháp sắc ký khí	TCVN 10370-2: 2014 (ISO 11890-2)
18	Đánh giá sự suy biến của lớp phủ - Ký hiệu số lượng, kích cỡ của khuyết tật và mức biến đổi đồng nhất về ngoại quan - Phần 6: Đánh giá độ phân hóa bằng phương pháp băng dính	TCVN 12005-6: 2017 (ISO 4628-6)
XXIV	VÁN GỖ NHÂN TẠO	
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 5694: 2014 (ISO 9427)
2	Phương pháp thử các đặc tính kết cấu	TCVN 8329: 2010 (ISO 16572)
3	Xác định thay đổi kích thước theo thay đổi độ ẩm tương đối	TCVN 10311: 2015 (ISO 16985)
4	Xác định độ bền ẩm - Phương pháp kiểm tra theo định kỳ	TCVN 10312: 2015 (ISO 16987)
5	Xác định độ bền ẩm - Phương pháp lược	TCVN 10313: 2015 (ISO 16998)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
6	Xác định hàm lượng formaldehyt phát tán - Phần 1: Sự phát tán formaldehyt bằng phương pháp buồng 1 m ³	TCVN 11899-1: 2018 (ISO 12460-1)
7	Xác định hàm lượng formaldehyt phát tán - Phần 3: Phương pháp phân tích khí	TCVN 11899-3: 2018 (ISO 12460-3)
8	Xác định hàm lượng formaldehyt phát tán - Phần 4: Phương pháp bình hút ẩm	TCVN 11899-4: 2017 (ISO 12460-4)
9	Xác định hàm lượng formaldehyt phát tán - Phần 5: Phương pháp chiết (phương pháp perforator)	TCVN 11899-5: 2018 (ISO 12460-5)
10	Xác định kích thước tấm	TCVN 11904: 2017 (ISO 9426)
11	Xác định độ ẩm	TCVN 11905: 2017 (ISO 16979)
12	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906: 2017 (ISO 16981)
13	Xác định lực bám vít	TCVN 11907: 2017 (ISO 27528)
14	Xác định độ bền uốn sau khi ngâm trong nước ở nhiệt độ 70 °C hoặc 100 °C (nhiệt độ sôi)	TCVN 12444: 2018 (ISO 20585)
15	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445: 2018 (ISO 16983)
16	Xác định môđun đàn hồi khi uốn và độ bền uốn	TCVN 12446: 2018 (ISO 16978)
17	Xác định độ bền kéo vuông góc mặt ván	TCVN 12447: 2018 (ISO 16984)
XXV	KÍNH XÂY DỰNG, SILICON	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219: 2018; TCVN 7529: 2005; EN 1096-1: 2012 (E); TCVN 8260: 2009; TCVN 7364: 2018
2	Xác định ứng suất bề mặt và ứng suất cạnh của kính bằng phương pháp quang đàn hồi không phá hủy sản phẩm	TCVN 8261: 2009
3	Phương pháp thử độ bền va đập	TCVN 7368: 2013; TCVN 7455: 2013
4	Độ bền chịu nhiệt	TCVN 7364-3: 2018; TCVN 7364-4: 2018
5	Xác định độ chảy	TCVN 8267-1: 2009
6	Xác định khả năng đùn chảy	TCVN 8267-2: 2009
7	Xác định độ cứng Shore A	TCVN 8267-3: 2009

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
8	Xác định ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến sự tổn hao khối lượng, tạo vết nứt và phân hóa	TCVN 8267-4: 2009
9	Xác định thời gian không dính bề mặt	TCVN 8267-5: 2009
10	Xác định cường độ bám dính	TCVN 8267-1: 2009
XXVI	THIẾT BỊ VỆ SINH	
1	Xác định Khả năng chịu tải, Thoát nước, Khả năng làm sạch, Bảo vệ chống tràn của Chậu rửa	TCVN 12648: 2020
2	Xác định Khả năng chịu tải, Đặc tính xả, Độ sâu nước bọt kín của Bồn Tiểu nam treo tường	TCVN 12651: 2020
3	Xác định Khả năng chịu tải, Khả năng làm sạch, Bảo vệ chống chảy tràn của Bồn Tiểu nữ	TCVN 12652: 2020
4	Xác định Khả năng chịu tải, Đặc tính xả của Bệ Xí bột	TCVN 12649: 2020
XXVII	CÁC SẢN PHẨM ỐNG CẤP THOÁT NƯỚC	
1	Độ bền với áp suất bên trong	TCVN 6149-1: 2007 (ISO 1167-1: 2006; TCVN 6149-2: 2007 (ISO 1167-2: 2006); TCVN 6149-3: 2007 (ISO 1167-3: 2006)
2	Độ cứng vòng của ống và phụ tùng	TCVN 10769: 2015 (ISO 7685:1998)
3	Độ bền kéo riêng ban đầu theo	TCVN 10967: 2015 (ISO 8513:2014)
4	Độ kín của ống và phụ tùng nối ống đối với áp suất bên trong là 1,5 PFA + 5 bar	TCVN 10177: 2013 (ISO 2531:2009)
XXVIII	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT	
1	Xác định độ dày	TCVN 8220: 2009; ASTM D5199
2	Xác định khối lượng trên đơn vị thể tích	TCVN 8220: 2009; ASTM D5199
3	Xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 8485: 2010; TCVN 8871: 2011; TCVN 9138: 2012; ASTM D4571; ASTM D4621
XXIX	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
1	Đo dung trọng và độ ẩm của đất bằng PP dao đại	TCVN 12791: 2020; TCVN 8730: 2012;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		22TCN 02: 1971; AASHTO T204; ASTM D2937
2	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346: 2006; ASTM D1556; AASHTO T191
3	Xác định chỉ số CBR hiện trường	TCVN 8821: 2011
4	Độ chặt đầm nén	22TCN 333-2006
5	Thành phần hạt của vật liệu CPDD	TCVN 8859: 2023
6	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864: 2011
7	Phương pháp thử nghiệm xác định mô đun đàn hồi E nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861: 2011
8	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867: 2011
9	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335: 2012; ASTM C805/C805M
10	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356: 2012
11	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398: 2012
12	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354: 2012
13	Xác định độ lún công trình	TCVN 9360: 2012
14	Nhà và công trình dạng tháp – Xác định độ nghiêng bằng PP trắc địa	TCVN 9400: 2012
15	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351: 2012
16	Cọc – PP thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 2012
17	Thử tải kết cấu và cấu kiện công trình	BS EN 1356: 97; TCVN 9344: 2012
18	Xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866: 2011; ASTM E965
19	Đo điện trở đất	TCVN 9385: 2012
20	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334: 2012; ASTM C805/C805M
21	Bê tông nặng – Phương pháp thử không phá hủy – Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13536:2022
22	Bê tông – Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490: 2012; ASTM C 900-06
23	Bê tông – Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp (phương pháp kéo đứt)	TCVN 9491: 2012; (ASTM C 1583/C 1583M-04)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
24	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn – PP thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347: 2012
25	Đo điện thế cốt thép nằm trong bê tông nhằm kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn của nó	TCVN 9348: 2012
26	Quan trắc chuyển dịch ngang nhà và công trình	TCVN 9399: 2012
27	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCXDVN 239: 2006; TCVN 12252: 2020
28	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn Anh	TCVN 10271:2014
29	Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương đương.